TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY TỈNH NAM ĐỊNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **26**/2025/HNGĐ-ST Ngày: 16-4-2024 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Cận.

Ông Phạm Xuân Trường.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trần Hồng Chuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Đào Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 261/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm M, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

Bị đơn: Anh Bùi Văn H1, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm M, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/10/2024, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Tạ Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Văn H1 tự nguyện tìm hiểu đã được Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06-01-2011. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp

nhau nên đã sống ly thân từ tháng 04/2022. Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Khánh T, sinh ngày 19-6-2012 và Bùi Hoàng K, sinh ngày 14-02-2015. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn H1, chị nhận nuôi 02 con chung, yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng; không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Bùi Văn H1 trình bày: Anh và chị Tạ Thị H tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G vào ngày 06-01-2011. Nay chị H có đơn ly hôn anh không đồng ý; trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh nhận nuôi 02 con chung và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng; nếu không được nuôi cả hai con, anh có nguyện vọng nhận nuôi cháu K, còn chị H nuôi cháu T; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; anh H1 không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản.

Cháu Bùi Khánh T và Bùi Hoàng H2 có nguyện vọng ở với mẹ.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 18-12-2024, đại diện cơ sở xã G cung cấp: Chị Tạ Thị H và anh Bùi Văn H1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G vào năm 2011. Vợ chồng đã có 02 con chung, hiện không vướng mắc gì về kinh tế đối với địa phương. Nay chị H có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử ly hôn giữa chị Tạ Thị H và anh Bùi Văn H1; về con chung: Giao chị H trực tiếp nuôi con chung là Bùi Khánh T, sinh ngày 19-6-2012; giao anh Bùi Văn H1 trực tiếp nuôi con chung là Bùi Hoàng K, sinh ngày 14-02-2015; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Tạ Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị H và anh Bùi Văn H1 tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G vào ngày 06-01-2011 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Anh H1 mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có giải pháp nào. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, chấp nhận nguyện vọng của chị H xin ly hôn anh H1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là Bùi Khánh T, sinh ngày 19-6-2012 và Bùi Hoàng K, sinh ngày 14-02-2015. Căn cứ nguyện vọng của đương sự và để đảm bảo sự phát triển tốt nhất của con chung; xét thấy cháu T là con gái đang ở độ tuổi cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên giao chị H trực tiếp nuôi cháu T; giao anh H1 nuôi cháu K; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau; là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H, anh H1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Tạ Thị H và anh Bùi Văn H1.

2. Về con chung: Giao chị Tạ Thị H trực tiếp nuôi con chung là Bùi Khánh T, sinh ngày 19-6-2012; giao anh Bùi Văn H1 trực tiếp nuôi con chung là Bùi Hoàng K, sinh ngày 14-02-2015; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn: Chị Tạ Thị H phải nộp 300.000 đồng. Chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0004814 ngày 31-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy; nay đối trừ, chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Tạ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Xuân Trường Đoàn Trung Tuyến	**Trần Thị Thu Hiền**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã Giao Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hiền